TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 88/2023/HS-ST Ngày 24-8-2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hoài Dinh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Thạch – Phó phòng Giáo dục huyện Gò Dầu.

2. Ông Nguyễn Thanh Văn – Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Ngọc Đức, ông Lê Minh Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2023/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc T; sinh ngày 02/6/2006, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1979; Vợ, con: chưa có; Tiền án không có; Tiền sự: tại Quyết định số 224 ngày 26/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã T áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 06 tháng kể từ ngày 26/7/2022; Nhân thân: đã bị xử lý vi phạm hành chính 01 lần và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/6/2023 cho đến nay, *có mặt.*

2. Trần Văn Đức T2; sinh ngày 24/11/2005, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T3, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1976; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không có ; Tiền sự: tại Quyết định số 80 ngày 18/11/2022 của Công an xã Đ, huyện G xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Tại Quyết định số 70 ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân

dân huyện G xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân; Nhân thân: đã bị xử lý vi phạm hành chính 02 lần và đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự 01 nào; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2023 đến nay, *có mặt.*

3. Nguyễn Văn T4; sinh năm 2001, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp ĐB, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1978 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1979; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không có; Tiền sự: tại Quyết định số 186 ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 6.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; Nhân thân: đã bị xử lý vi phạm hành chính 01 lần và đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự 01 lần; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2023 đến nay, *có mặt.*

4. Nguyễn Duy T5; sinh năm 2000, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp ĐA, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T6, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Đặng Thanh T7, sinh năm 1979; Vợ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1999 (đã ly hôn); Con: có 01 người; Tiền án: không có; Tiền sự: tại Quyết định số 77 ngày 18/11/2022 của Công an xã Đ, huyện G xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Nhân thân: đã bị xử lý vi phạm hành chính 01 lần và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào; Bị cáo tại ngoại, *có mặt.*

5. Trương Minh L1; sinh ngày 16/4/2006, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp T8, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Minh T9, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Mỹ T10, sinh năm 1980; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không có; Nhân thân: chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào; Bị cáo tại ngoại, *có mặt.*

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Quốc T:

1/ Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1976. *Vắng mặt.*

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm: 1979. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T: Ông Lê Minh H2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh. *Có mặt.*

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn Đức T2:

1/ Ông Trần Văn T3, sinh năm: 1973. *Có mặt.*

2/ Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm: 1976. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đức T2: Bà Võ Thị Tú Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh. *Có mặt.*

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trương Minh L1:

1/ Ông Trương Minh T9, sinh năm: 1980. *Vắng mặt*.

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ T10, sinh năm: 1980. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: ấp T8, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Minh L1: Luật sư Nguyễn Hữu L4 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh. *Có mặt.*

Bị hại: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 2002. *Có mặt.*

Địa chỉ: Ấp 7, xã Y, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2021, Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02/6/2006, đi chơi tại khu vực ngã 3 Y thuộc xã Y, huyện G thì bị anh Nguyễn Văn N, sinh năm 2002, ngụ Ấp 7, xã Y, huyện G cùng nhiều thanh niên đuổi đánh nhưng không được nên xảy ra mâu thuẫn.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/5/2023, T điều khiển xe đạp điện đi ngang nhà chị Nguyễn Thị Kim N2, sinh năm 1993, ngụ ấp ĐA, xã Đ, huyện G thì thấy anh N đang ngồi uống bia cùng chị N2, anh Nguyễn Dĩ Z, sinh năm 2000; anh Huỳnh Quốc V, sinh năm 1998, anh Nguyễn Ti N3, sinh năm 1989, cùng ngụ xã Y, huyện G tại trước hiên nhà chị N2. Khi đó, T chạy về nhà của Nguyễn Duy T5 tại ấp ĐA, xã Đ, huyện G mượn điện thoại di động hiệu Nokia TA-1010, thuê bao số 0399713831 của T5 rồi điện thoại vào số thuê bao 0357812070 cho Trần Văn Đức T2, sinh ngày 24/11/2005. Lúc đó, T2 đang uống bia cùng Trương Minh L1, sinh ngày 16/4/2006 và Nguyễn Văn T4 tại nhà của T2 thuộc ấp B, xã Đ, huyện G nên T2 mở loa lớn cho L1 và T4 cùng nghe, T rủ T2, L1, T4 đi đánh anh N thì cả nhóm đồng ý và hẹn gặp nhau tại quán cà phê "K1" của anh Nguyễn Lê Minh H6, sinh năm 2002, tại ấp ĐA, xã Đ, huyện G, lúc đó T5 đứng sát bên T nên nghe rõ T vừa nói với T2 về việc đi đánh anh N.

Sau đó, T trả điện thoại cho T5 rồi cùng T5 đến quán cà phê "K1" chờ nhóm của T2 đến, không thấy nhóm của T2 đến nên T tiếp tục mượn điện thoại di động Nokia TA-1010 của T5 điện thoại cho T2 thì T5 đồng ý, T điện thoại cho T2 thì thuê bao không liên lạc được. Do không có số điện thoại của L1 nên T nhờ T5 hỏi mượn điện thoại di động loại cảm ứng của người thanh niên tên M3 tại quán cà phê "K1".

Lúc này, T5 biết rõ T mượn điện thoại là để gọi cho nhóm của T2 nhằm mục đích đi đánh anh N nhưng T5 vẫn mượn điện thoại của M3 và T5 đăng nhập vào ứng dụng Messenger với tên nick "Nguyễn Duy T5" rồi T5 đưa điện thoại cho T gọi cho L1 thông qua ứng dụng Messenger, lúc đó L1 nói đang đến gần tới quán cà phê "K1". Đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày, L1 điều khiển xe mô tô biển số 70F1-606.84 chở T2, còn T4 điều khiển xe mô tô biển số 70E1-207.38 chạy một mình đến quán cà phê "K1" gặp T và T5. Sau đó, T cùng T4, T2 và L1 chạy đến trại gà của anh H7 tại ấp ĐA, xã Đ, huyện G để lấy hung khí, còn T5 ở tại quán cà phê K1.

Khi đến trại gà, T2 đi vào phòng ngủ của T lấy 01 cây rựa dài 120cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 85cm, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, rộng 07cm, một cạnh sắc, mũi nhọn đưa cho T cầm, còn T2 cầm 01 cây dao tự chế dài 65cm, cán bằng gỗ được quấn nhựa màu đen dài 20cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 45cm, một cạnh sắt, mũi nhọn cùng vỏ dao bằng gỗ màu đỏ dài 54cm, rộng 06cm, rồi T4 điều khiển xe mô tô biển số 70E1-207.38 chở T, còn L1 điều khiển xe mô tô biển số 70F1-606.84 chở T2 cùng chạy đến dừng trước cửa nhà chị N2. Lúc này, T5 cũng điều khiển xe mô tô biển số 70F1-859.02 từ quán cà phê "K1" đến nhà chị N2 để hỗ trợ nhóm của T. Khi đến nơi, T5 đứng ngoài đường quan sát còn nhóm T xông vào hàng ba nhà chị N2 để tìm đánh anh N. T cầm cây rựa, T2 cầm dao tự chế cùng T4 và L1 đi đến chỗ anh N đang ngồi nhậu để đánh anh N thì bị chị N2 cùng anh V, Z và Ti N3 ngăn cản kéo nhóm của T ra đường. Do không đánh được anh N nên nhóm của T tiếp tục đứng trước cửa nhà chị N2 thách thức, hâm dọa đánh anh N và tiếp tục xông vào nhà chị N2 để đánh anh N nhưng được mọi người can ngăn nên không đánh được anh N.

Lúc này, do sợ bị đánh nên anh N điện thoại báo Công an xã Đ, đồng thời chị N2 cũng nói sẽ báo Công an nếu nhóm của T không chịu đi về thì L1 điều khiển xe mô tô biển số 70E1-207.38 chở T cùng T2 cầm cây rựa và cây dao tự chế chạy về trại gà của anh H7 cất giấu hung khí tại hàng rào phía sau trại gà rồi L1 điều khiển xe mô tô chở T2 quay lại nhà chị N2 để cùng T4 tiếp tục chửi và hâm dọa đánh anh N. Lúc này, Công an xã Đ đến mời T4, T2, L1, T và T5 về trụ sở làm việc.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 cây rựa dài 120cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 85cm, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, rộng 07cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, đã qua sử dụng; 01 cây dao tự chế dài 65cm, cán bằng gỗ được quấn nhựa màu đen dài 20cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 45cm, một cạnh sắc, mũi nhọn cùng vỏ dao bằng gỗ màu đỏ dài 54cm, rộng 06cm, trên vỏ dao có hoa văn không rõ hình, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1010, màu xanh, IMEI 357328082667688, sim số 0399713831, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu vàng đồng, số sê ri F17DX1380D8J, số IMEI

356686117387726, sim số 0379714550, đã qua sử dụng. Tất cả đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tạm giữ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Văn N không yêu cầu bồi thường.

Đối với người tên M3 chưa rõ lai lịch cho Nguyễn Duy T5 mượn điện thoại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G chưa làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau. Đối với Nguyễn Lê Duy H7 không biết Nguyễn Quốc T cất giấu hung khí trong trại gà của mình nên không xử lý.

Cáo trạng số: 82/CT-VKSGD ngày 02-8-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Văn Đức T2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Duy T5 và Trương Minh L1 về tội "Cố ý gây thương tích", theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận T4 bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 6 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101, điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 6 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T4 mức án từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 6 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 điểm d khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, Điều 56 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T2 mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù của bản án số 96/2022/HSST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G về tội cố ý gây thương tích.

+ Căn cứ khoản 6 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T5 mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 6 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 100, điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo L1 mức án từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 cây rựa và 01 cây dao tự chế là hung khí các bị cáo sử dụng trong vụ án. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia và 01 điện thoại hiệu Iphone 12 là phương tiện các bị cáo liên lạc với nhau để thực hiện tội phạm.

+ Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị hại không bị thương tích và không yêu cầu bồi thường.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T – bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày: Bà không có ý kiến gì về việc bị cáo T bị Tòa án xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" như Cáo trạng truy tố. Bà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, vì khi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T2 – ông Trần Văn T3, bà Nguyễn Thị X1 trình bày: Ông bà không có ý kiến gì về việc bị cáo T2 bị Tòa án xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" như Cáo trạng truy tố. Ông bà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2, vì khi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn chưa hoàn thiện.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo L1 – bà Nguyễn Thị Mỹ T10 trình bày: Bà không có ý kiến gì về việc bị cáo L1 bị Tòa án xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" như Cáo trạng truy tố. Bà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L1.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T - ông Lê Minh H2, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh trình bày: Việc bị cáo T bị truy tố và bị xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 6 Điều 134 là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo T là người dưới 18 tuổi, có hoàn cảnh gia đình rất đáng thương là cha mẹ ly hôn nhau nên không ai dạy bảo bị cáo. Bị cáo không phạm tội có tính chất côn đồ vì giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn với nhau từ trước và cần phải áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại cho bị cáo T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đức T2 - bà Võ Thị Tú Q, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh trình bày: Bà đồng ý với điểm, khoản và điều luật theo Cáo trạng đã truy tố bị cáo T2. Tuy nhiên, bà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo T2. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo T2 mức án từ 03 đến 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Minh L1 - Luật sư Nguyễn Hữu L4, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh trình bày: Cáo trạng và mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố và đề nghị đối với bị cáo L1 về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên nếu áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo L1 là không đúng, vì bị cáo L1 phạm tội là do bị cáo T2 rủ rê và chỉ là đồng phạm giản đơn với các bị cáo khác trong vụ án chứ không phải phạm tội có tổ chức. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm

tội nhưng chưa gây thiệt hại cho bị cáo L1. Do bị cáo L1 có nhân thân tốt, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo L1 mức án thấp hơn 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị hại - anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh không bị thương tích gì nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Về hình phạt anh yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo rõ ràng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/5/2023, tại ấp ĐA, xã Đ, huyện G Nguyễn Quốc T rủ Trần Văn Đức T2, Trương Minh L1, Nguyễn Văn T4 chuẩn bị 01 cây rựa và 01 cây dao tự chế là hung khí nguy hiểm đi đánh anh Nguyễn Văn N, thì được mọi người can ngăn nên không gây thương tích.

Trước đó, Nguyễn Duy T5 cho Nguyễn Quốc T mượn điện thoại để liên lạc với Trần Văn Đức T2, Trương Minh L1, Nguyễn Văn T4 và hỗ trợ cho T, T2, T4, L1 đi đánh anh Nguyễn Văn N thì được mọi người can ngăn nên không gây thương tích.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Văn Đức T2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Duy T5, Trương Minh L1, đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Cố ý gây thương tích", theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Đối với người tên Minh đã cho Nguyễn Duy T5 mượn điện thoại hiện chưa rõ lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G chưa làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau. Đối với Nguyễn Lê Duy H6 do không biết Nguyễn Quốc

T cất giấu hung khí trong trại gà của mình nên không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[3] Tuy vụ án này mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án như sau:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Riêng các bị cáo L1, T, T5 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

Mặc dù các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, không có bàn bạc, phân công vai trò nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo. Nên trong trường hợp này, các bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức.

Bị cáo T bản thân đang có 01 tiền sự, là người khởi xướng vụ việc, đứng ra rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác phạm tội, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án.

Đối với bị cáo T2 khi được bị cáo T gọi điện thoại rủ đi đánh anh N, bị cáo T2 đã chủ động mở loa lớn cho các bị cáo L1, T4 nghe và rủ cả nhóm cùng đi đánh anh N. Bị cáo T2 cũng là người cầm dao đi đánh anh N, nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo T. Ngoài ra, bị cáo T2 còn đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo, nhưng không biết tự rèn luyện, tu sửa bản thân trong thời gian thử thách mà lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới, nên ngoài việc phải chịu trách nhiệm hình sự của lần phạm tội này, bị cáo T2 còn phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với các bị cáo T4, L1 khi bị cáo T2 rủ rê, lôi kéo chuẩn bị hung khí nguy hiểm đi đánh nhau, các bị cáo đã ý thức được hành vi này là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vẫn thống nhất ý chí thực hiện tích cực theo yêu cầu của bị cáo T2. Cho nên các bị cáo T4, L1 phải chịu trách nhiệm hình sự ngang với bị cáo T2.

Bị cáo Thống nhiều lần cho bị cáo T mượn điện thoại để gọi cho nhóm của bị cáo T2 rủ đi đánh anh N và còn đi theo hỗ trợ tinh thần để đánh anh N, nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang với các bị cáo T2, T4, L1.

Khi phạm tội các bị cáo T, T2, L1 là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nên mức hình phạt tù có thời hạn cao nhất được áp dụng đối với các bị cáo này không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Bị cáo L1 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội nhưng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà xem xét xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ cũng là phù hợp.

Do bị cáo L1 hiện đang sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định. Nên cần xem xét miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo L1.

[5] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[6] Xét lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T của ông Lê Minh H2; lời bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đức T2 của bà Võ Thị Tú Q; lời bào chữa cho bị cáo Trương Minh L1 của Luật sư Nguyễn Hữu L4 thấy rằng, tất cả những người bào chữa cho các bị cáo T, T2, L1 đều đồng ý với Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích", theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm, khoản, điều luật để xét xử các bị cáo là phù hợp. Nhưng về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì tất cả những người bào chữa đều đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, đồng thời đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ đối với các bị cáo T, T2, L1.

Hội đồng xét xử thấy rằng, những đề nghị này là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, trong trường hợp này nếu các bị cáo đã gây ra thiệt hại thì sẽ bị xử lý ở các khoản khác của Điều 134 Bộ luật Hình sự, còn theo khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự thì không cần có hậu quả xảy ra các bị cáo vẫn phạm tội, nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại cho các bị cáo T, T2, L1. Còn việc Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ đối với các bị cáo, là vì trước khi xảy ra vụ án thì các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì, không có gặp mặt nhau. Việc bị hại cùng nhiều thanh niên đuổi đánh bị cáo T nhưng không đánh được đã xảy ra cách đây hơn hai năm, nên không thể xem là hai bên có mâu thuẫn với nhau dẫn đến xảy ra vụ án. Đối với các đề nghị khác của những người bào chữa cho các bị cáo T, T2, L1, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Anh N không bị thương tích gì và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên cần ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 cây rựa dài 120cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 85cm, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, rộng 07cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, đã qua sử dụng; 01 cây dao tự chế dài 65cm, cán bằng gỗ được quấn nhựa màu đen dài 20cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 45cm, một cạnh sắc, mũi nhọn cùng vỏ dao bằng gỗ màu đỏ dài 54cm, rộng 06cm, trên vỏ dao có hoa văn không rõ hình, đã qua sử dụng là hung khí các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1010, màu xanh, IMEI 357328082667688, sim số 0399713831, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu vàng đồng, số sê ri F17DX1380D8J, số IMEI 356686117387726, sim số 0379714550, đã qua sử dụng là phương tiện các bị cáo dùng liên lạc với nhau để thực hiện tội phạm, còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Do Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo có tội. Nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Văn Đức T2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Duy T5, Trương Minh L1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/6/2023.

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đức T2 09 (chín) tháng tù. Buộc bị cáo Trần Văn Đức T2 phải chấp hành hình phạt 01 năm tù của Bản án số 96/2022/HSST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tổng hợp hình phạt chung mà bị cáo Trần Văn Đức T2 phải chấp hành là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14-6-2023.

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/6/2023.

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T5 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Minh L1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện G nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trương Minh L1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo Trương Minh L1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo L1.

Trường hợp bị cáo Trương Minh L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trương Minh L1.

2/ Các biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận anh Nguyễn Văn N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cây rựa dài 120cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 85cm, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, rộng 07cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, đã qua sử dụng; 01 cây dao tự chế dài 65cm, cán bằng gỗ được quấn nhựa màu đen dài 20cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 45cm, một cạnh sắc, mũi nhọn cùng vỏ dao bằng gỗ màu đỏ dài 54cm, rộng 06cm, trên vỏ dao có hoa văn không rõ hình, đã qua sử dụng.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1010, màu xanh, IMEI 357328082667688, sim số 0399713831, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu vàng đồng, số sê ri F17DX1380D8J, số IMEI 356686117387726, sim số 0379714550, đã qua sử dụng là phương tiện các bị cáo dùng liên lạc với nhau để thực hiện tội phạm, còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G)

3/ Án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Văn Đức T2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Duy T5, Trương Minh L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại và người bào chữa cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G (02 bản);
- Nhà tạm giữ CA huyện G;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CC.THADS huyện G;
- Công an và UBND xã Đ;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST./.

Đặng Hoài Dinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA